

Bản án số: 192/2024/HS-PT
Ngày 28 tháng 11 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Linh và ông Trần Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Như Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 301/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Mai Văn T do có kháng của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2024/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố L:

Bị cáo có kháng cáo: **Mai Văn T**, sinh 2005 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ D, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn D và bà Trần Thị Bích H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2024 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

(Trong vụ án còn có các bị cáo Trần Phước H1, Lê Hồng H2, Trần Văn Hiếu E, Phan Hoàng P không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 16/7/2023, Lê Hồng H2, Trần Phước H1, Trần Văn Hiếu E, Mai Văn T (sinh ngày 05/9/2005), Phan Hoàng P uống rượu tại công viên L thuộc ấp B, xã M, thành phố L thì H1 rủ Hiếu E, T, P, H2 đến nhà Trần Minh T1 tìm chém T1 do T1 có mâu thuẫn với H1 và thường chạy xe mô tô có tiếng bô lớn. Hiếu E, P, T, H2 cùng đồng ý. Thực hiện ý định, H2 bảo P điều khiển xe mô tô chở T về nhà H2 lấy 03 cây dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 70 cm quay lại Công viên Lê Văn T2 đưa cho H1 02 cây, T giữ 01 cây. Sau đó,

Hiếu E điều khiển xe mô tô chở H1; P điều khiển xe mô tô chở T đến nhà bà Huỳnh Thị Kim P1 (mẹ ruột của T1) tại tổ A, ấp B, xã M, còn H2 do say rượu nên về nhà. Khi đến nhà bà P1, H1 đưa cho H3 Em 01 cây dao cầm trên tay và lớn tiếng kêu T1 ra nói chuyện, gây mất an ninh trật tự, nhưng không nghe T1 trả lời, nên T cầm dao đi đến dùng chân đạp vỡ ống nhựa dẫn nước trước nhà T1. Lúc này anh Trần Hoàng M (anh ruột T1, nhà bên cạnh) đứng trong rào la mắng nhóm của H1 thì H1 cầm dao dọa chém anh M làm anh M sợ đi vào trong nhà đóng cửa và nói sẽ điện thoại báo Công an thì H1 bảo tất cả đi về. Lúc này, Hiếu E thấy nhà T1 có gắn camera nên dùng dao chém hỏng camera, rồi tất cả lên xe đi về. Sau đó, bà Nguyễn Thị Kim P2 (mẹ ruột T1) đến Công an xã trình báo.

Công văn số 218/ĐN-UBND ngày 22/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã M đề nghị xử lý nghiêm các đối tượng gây mất an ninh, trật tự xã hội.

Kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐGTS ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên đề định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố L: Tài sản bị hư hỏng gồm 01 camera, nhãn hiệu Imou S42FP, màu trắng, độ phân giải 4Mp CMOS ½,8 inch; 01 đoạn ống nhựa P3, phi B, dài 20cm, tổng trị giá 1.782.900 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2024/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố L đã tuyên bố các bị cáo Trần Phước H1, Lê Hồng H2, Trần Văn Hiếu E, Mai Văn T, Phan Hoàng P phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”. Căn cứ:

- Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm o khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Trần Phước H1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: bị cáo Lê Hồng H2 02 (hai) năm tù; Trần Văn H3 Em 02 (hai) năm tù; Phan Hoàng P 02 (hai) năm tù.

- Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Mai Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 9 năm 2024, bị cáo Mai Văn T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Mai Văn T trình bày: Bị cáo đã nhận thức được việc làm sai trái của bản thân, bị cáo đang là sinh viên của Trường Đại học A. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để được tiếp tục việc học tập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang thực hiện quyền công tố tại phiên tòa phát biểu và có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Về tính hợp

pháp của đơn kháng cáo, bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Về hành vi phạm tội của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xử phạt các bị cáo với mức hình phạt phù hợp, tương xứng tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo. Tuy nhiên, xem xét toàn diện vụ án thì thấy thời điểm bị cáo phạm tội khi chưa thành niên, bị cáo đã thành khẩn, ăn năn hối cải. Do vậy, để tạo điều kiện cho bị cáo được tiếp tục việc học, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Mai Văn T, xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Mai Văn T kháng cáo trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Mai Văn T thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm. Xét lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đồng thời cũng phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Khoảng 00 giờ ngày 16/7/2023, tại nhà bà Huỳnh Thị Kim P1 thuộc tổ A, ấp B, xã M, thành phố L, các bị cáo Trần Phước H1, Trần Văn Hiếu E, Mai Văn T, Phan Hoàng P có hành vi đập phá, gây rối, la lối lớn, có lời nói thiếu văn hóa giữa đêm khuya và dùng dao được xem là hung khí nguy hiểm đập phá tài sản của bà Huỳnh Thị Kim P1, thiệt hại với số tiền 1.782.900 đồng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Đối với Lê Hồng H2 tuy không đến nhà bà P1 gây rối trật tự công cộng nhưng bị cáo H2 thống nhất tham gia khi được bị cáo H1 rủ và cung cấp hung khí cho các bị cáo khác nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Mai Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, không có sự câu kết, phân chia vai trò cụ thể, không có cầm đầu, các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành. Khi sự việc xảy ra, các bị cáo cùng tham gia thực hiện, hành vi của các bị cáo đã gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, xử phạt các bị cáo với mức hình phạt phù hợp, tương xứng tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo. Giai đoạn phúc thẩm, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo. Gia đình bị cáo đã cung cấp giấy xác nhận hoàn

cảnh gia đình khó khăn. Ngoài ra, bị cáo cũng đang là sinh viên trường Đại học A, có nơi cư trú rõ ràng; trong thời gian tạm giam, bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái, ăn năn hối cải. Hơn nữa, căn cứ Điều 91 Bộ luật Hình sự, việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Do vậy, để thể hiện chính sách khoan hồng đối với người phạm tội thực sự ăn năn hối cải và tạo điều kiện cho bị cáo ở địa phương để tiếp tục việc học tập, cải tạo. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, có thể giữ nguyên mức hình phạt tù của cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Mai Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Mai Văn T. Sửa án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Mai Văn T. Tuyên bố: bị cáo Mai Văn T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Mai Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/11/2024).

Giao bị cáo Mai Văn T cho Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Căn cứ khoản 3 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Mai Văn T nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Mai Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố L;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố L;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Phòng lưu trữ hồ sơ - Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Tòa Hình sự; Văn phòng; hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng